

Số: /TB-UBND

Phước Thành, ngày tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

V/v công khai dự thảo báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu năm 2024 của UBND xã Phước Thành

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

UBND xã Phước Thành thông báo công khai dự thảo báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu năm 2024 của UBND xã Phước Thành cho toàn thể nhân dân trên địa bàn xã biết.

Địa điểm công khai: Thông báo trên Đài truyền thanh xã và tại trụ sở UBND xã, 4 thôn trên địa bàn xã Phước Thành.

(Có Báo cáo dự thảo và bản tổng hợp điểm số kèm theo)

Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày ra thông báo đến ngày 13/12/2024, nếu không có ý kiến phản hồi của người dân về báo cáo và điểm số các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn xã Phước Thành thì UBND xã gửi hồ sơ đề nghị cấp trên xem xét công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định./.

Nơi nhận:

- Đài Truyền thanh xã;
- 4 thôn (niêm yết);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Đạt

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TỰ CHẤM
CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2024 CỦA UBND XÃ PHƯỚC THÀNH**

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung, cách tính điểm	Điểm số tối đa	Điểm tự chấm	Tài liệu đánh giá (1)
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10	10	
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)	3	3	
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1	1	
	a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật	1	1	
	b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên	0		
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	2	2	
	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2	2	
	b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0		
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi	7	7	

	chung là văn bản hành chính) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100</i>			
	a) Đạt 100%	7	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6		
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5		
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4		
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3		
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2		
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1		
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	i) Dưới 50%	0		
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	30	30	
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	6	6	
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1	1	
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai	0,5	0.5	

và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật		
b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	0,5	0.5
2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5	1.5
a) Đạt 100%	1,5	1.5
b) Từ 90% đến dưới 100%	1	
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75	
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5	
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25	
e) Dưới 50%	0	0
3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	2	2
a) Đạt 100%	2	2
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5	
c) Từ 80% đến dưới 90%	1	
d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5	

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
	4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5	1.5	
	a) Đạt 100%	1,5	1.5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 2	Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</i>	5	5	
	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	1,5	
	a) Đạt 100%	1,5	1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75		

d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5	
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25	
e) Dưới 50%	0	
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2	2
a) Đạt 100%	2	2
b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5	
c) Từ 80% đến dưới 90%	1	
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5	
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25	
e) Dưới 50%	0	
3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	1.5
a) Đạt 100%	1,5	1.5
b) Từ 90% đến dưới 100%	1	
c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75	
d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5	
đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25	
e) Dưới 50%	0	

Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	8	8	
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2	2	
	a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2	2	
	b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1		
	c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0		
	2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này): <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100</i>	4	4	
	a) Đạt 100%	4	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		

	e) Dưới 50%	0		
	3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i>	2	2	
	a) Đạt 100%	2	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	5	5	
	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5	5	
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	3		
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0		

	quả			
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>	3	3	
	a) Đạt 100%	3	3	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3	3	
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3	3	
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	2		
	c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	1		

	d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5		
	đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25		
	e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0		
Tiêu chí 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	15	14	
Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</i>	7	6	
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100</i>	3,5	3.5	
	a) Đạt 100%	3,5	3,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		

	e) Dưới 50%	0		
	2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	3,5	2.5	
	a) Đạt 100%	3,5		
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5	2,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4	4	
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1	1	
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	1,5	1.5	
	a) Đạt 100%	1,5	1.5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		

	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100</i>	1,5	1.5	
	a) Đạt 100%	1,5		
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 3	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý <i>Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100</i> <i>(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người</i>	4	4	

	<i>thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)</i>			
	a) Đạt 100%	4	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Tiêu chí 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	20	20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3	3	
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2	2	
	a) Có tổ chức hội nghị	2	2	
	b) Không tổ chức hội nghị	0		
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật	1	1	
	a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1	1	
	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức	0		
Chỉ tiêu 2	Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực	4	4	

	hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100</i>			
	a) Đạt 100%	4	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 3	Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</i>	4	4	
	a) Đạt 100%	4	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		

Chỉ tiêu 4	Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</i>	4	4	
	a) Đạt 100%	4	4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 5	Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5	5	
	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	4	4	
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4		
	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung	3		
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung	2		
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung	1		

	đ) Không tổ chức giám sát	0		
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	1	1	
Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	25	25	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7	7	
	1. Tổ chức tiếp công dân	3	3	
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5	0.5	
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5	0.5	
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1	1	
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1	1	
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh	2	2	

	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)</i>			
	a) Đạt 100%	2	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2	2	
	a) Đạt 100%	2	2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5		
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1		
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5		
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	e) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 2	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành	7	7	

	chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i>			
	a) Đạt 100%	7	7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6		
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5		
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4		
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3		
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2		
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1		
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25		
	i) Dưới 50%	0		
Chỉ tiêu 3	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5	5	
	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5	5	
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0		
Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	6	6	
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh,	6	6	

	trật tự”			
	b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0		
TỔNG CỘNG:		100	99	

Số: /BC-UBND
(Dự thảo)

Phước Thành, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã Phước Thành
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024

I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND huyện Tuy Phước ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 về việc ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn xã Phước Thành.

2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu

a) Đối với tiêu chí 1:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 10/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 02/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 10/10 điểm.

b) Đối với tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 06/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 06/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 30/30 điểm.

c) Đối với tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 02/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 03/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/03 chỉ tiêu.

- Số điểm đạt được của tiêu chí: 14/15 điểm.

d) Đối với tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/05 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 04/05 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/05 chỉ tiêu.

- Số điểm đạt được của tiêu chí: 20/20 điểm.

đ) Đối với tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/04 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 04/04 chỉ tiêu.

- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/04 chỉ tiêu.

- Số điểm đạt được của tiêu chí: 25/25 điểm.

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí.

b) Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: 99/100 điểm (sau khi làm tròn).

c) Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được 03/03 điều kiện.

II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục

1. Thuận lợi: Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND huyện, Phòng Tư pháp huyện, Đảng ủy, UBND xã đã triển khai tự đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã. Trên cơ sở, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kết hợp đánh giá tổng kết thực tiễn và làm rõ những nguyên nhân đạt được, không đạt được để từ đó chấn chỉnh kịp thời thực hiện đạt được kết quả cao nhất. Trong đó, địa phương đã chú trọng vào công tác chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức tự giác tuân thủ chấp hành hiến pháp và pháp luật trong cán bộ, viên chức, công chức và Nhân dân.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Hạn chế, tồn tại: Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật chưa sâu rộng đến toàn thể Nhân dân nên vẫn còn tình trạng mâu thuẫn trong nhân dân xảy ra trên địa bàn xã dẫn đến số vụ việc hòa giải ở cơ sở tăng lên.

- Nguyên nhân: Việc phối hợp giữa các ban ngành, hội đoàn thể từ xã đến thôn trong công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật đôi lúc chưa kịp thời.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức giáo dục pháp luật đến toàn thể cán bộ, công chức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Tham gia bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực làm công tác xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; rà soát, đề ra các giải pháp thực hiện những tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

III. Mục tiêu, kế hoạch thực hiện

1. Mục tiêu thực hiện

Trong năm 2025, UBND xã chỉ đạo các ngành liên quan bám sát vào các nội dung theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg; Thông tư số 09/2021/TT-BTP và chỉ đạo, hướng dẫn hàng năm của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh để triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời và hiệu quả hơn công tác chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương.

2. Kế hoạch thực hiện

Ngay từ đầu năm, UBND xã sẽ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã. Từ đó, các ngành liên quan căn cứ vào kế hoạch thực hiện những tiêu chí, chỉ tiêu được giao thực hiện tốt hơn trong công tác chuẩn tiếp cận pháp luật.

IV. Đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Ủy ban nhân dân xã Phước Thành kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xem xét, quyết định công nhận **Xã Phước Thành đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024./**

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tư pháp huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Đạt